

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	9

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Thiệu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008
Ông Hsun Tony Cau Fong	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Thủy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	-
Bà Võ Phước Thụy An	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	15 tháng 4 năm 2011
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Trương Thái Quang	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Vĩnh Nhi	Phó Giám đốc	1 tháng 4 năm 2008	2 tháng 5 năm 2011
Bà La Thị Hạnh Thảo	Giám đốc tài chính	17 tháng 6 năm 2010	16 tháng 6 năm 2011

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo, các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Thay mặt Ban Giám đốc,

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Số: 116-21-11

Gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") như được trình bày từ trang 4 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính này dựa vào công việc soát xét của chúng tôi.

Cơ sở soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy bất kỳ vấn đề đáng chú ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NEXIA ACPA
Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231

NGUYỄN QUỐC TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2011

NGUYỄN MẠNH TUẤN

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.553.124.435	122.628.181.225
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	3.496.791.785	10.539.056.591
Tiền	111		3.496.791.785	6.539.056.591
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.593.513.200	8.579.500.000
Đầu tư ngắn hạn	121	4	5.593.513.200	8.579.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.104.446.258	77.805.386.980
Phải thu khách hàng	131	29	50.895.852.137	70.472.517.600
Trả trước cho người bán	132		2.097.026.808	1.984.720.363
Phải thu khác	135	5,29	11.921.667.836	6.407.597.225
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(810.100.523)	(1.059.448.208)
Hàng tồn kho	140	7	24.910.166.460	19.956.538.203
Hàng tồn kho	141		26.200.191.535	21.246.563.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.290.025.075)	(1.290.025.075)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.448.206.732	5.747.699.451
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	2.066.550.672	2.271.425.742
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.909.659	1.180.492.341
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		680.998	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	3.336.065.403	2.295.781.368
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.204.772.103	68.812.133.592
Tài sản cố định	220		2.448.826.562	2.462.370.890
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.035.311.959	1.225.922.027
- Nguyên giá	222		4.286.351.534	4.301.482.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.251.039.575)	(3.075.559.981)
Tài sản vô hình	227	11	84.094.110	102.375.444
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.593.890)	(7.312.556)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.329.420.493	1.134.073.419
Bất động sản đầu tư	240	13	18.111.480.582	21.234.353.401
- Nguyên giá	241		37.610.721.533	37.583.618.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.499.240.951)	(16.349.265.266)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		45.306.380.098	41.399.966.644
Đầu tư vào công ty con	251	14	5.629.330.000	2.635.330.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.119.400.000	32.119.400.000
Đầu tư dài hạn khác	258	16	7.557.650.098	6.645.236.644
Tài sản dài hạn khác	260		3.338.084.861	3.715.442.657
Chi phí trả trước dài hạn	261		703.893.818	873.935.484
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27	60.237.296	210.035.294
Tài sản dài hạn khác	268	17	2.573.953.747	2.631.471.879
TỔNG TÀI SẢN	270		172.757.896.538	191.440.314.817

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
NỢ PHẢI TRẢ	300		54.601.006.659	70.877.781.341
Nợ ngắn hạn	310		51.807.127.818	63.514.995.992
Vay ngắn hạn	311	18	4.465.417.013	5.966.698.725
Phải trả người bán	312	29	34.753.888.564	42.642.703.845
Người mua trả tiền trước	313		2.338.433.825	1.699.534.319
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	3.621.324.185	5.121.520.511
Phải trả người lao động	315		-	1.505.158.060
Chi phí phải trả	316	20	2.186.091.401	1.583.788.657
Phải trả khác	319	21;29	2.085.310.349	2.728.571.806
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.134.690.833	1.190.355.871
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.221.971.648	1.076.664.198
Nợ dài hạn	330		2.793.878.841	7.362.785.349
Doanh thu chưa thực hiện	338		2.142.000.391	6.647.261.135
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		651.878.450	715.524.214
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.156.889.879	120.562.533.476
Vốn chủ sở hữu	410	22	118.156.889.879	120.562.533.476
Vốn cổ phần	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414		(286.125.132)	(225.341.132)
Quỹ đầu tư phát triển	417		237.615.549	237.615.549
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.076.216.022	4.076.216.022
Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.681.365.308	18.026.224.905
TỔNG NGUỒN VỐN	440		172.757.896.538	191.440.314.817

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2011



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

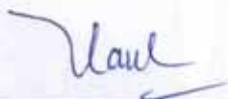
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		81.187.897.576	78.353.042.432
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		(8.736.000)	(5.389.405)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	81.179.161.576	78.347.653.027
Giá vốn hàng bán	11	24;30	(58.945.837.079)	(51.118.607.937)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.233.324.497	27.229.045.090
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.840.222.279	1.672.480.033
Chi phí tài chính	22	26	(873.368.124)	(1.661.174.507)
Chi phí bán hàng	24	30	(4.935.639.301)	(6.136.009.718)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	30	(3.165.870.815)	(3.495.105.623)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.098.668.536	17.609.235.275
Thu nhập khác	31		43.285.551	27.145.739
Chi phí khác	32		(47.049.283)	(21.614.452)
Lợi nhuận khác	40		(3.763.732)	5.531.287
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.094.904.804	17.614.766.562
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	(2.666.834.403)	(3.735.170.964)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(149.797.998)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22	12.278.272.403	13.879.595.598

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2011

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		15.094.904.804	17.614.766.562
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.408.130.723	3.342.826.591
Các khoản dự phòng	03		(249.347.685)	207.203.545
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(24.957.516)	(168.264.152)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.579.795.372)	(1.338.114.953)
Chi phí lãi vay	06		414.015.457	847.994.772
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		17.062.950.411	20.506.412.365
Giảm các khoản phải thu	09		15.045.297.132	46.006.197.053
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.953.628.257)	5.789.997.685
Tăng các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(14.080.801.399)	(18.676.657.643)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		374.916.736	(221.189.241)
Tiền lãi vay đã trả	13		(441.665.078)	(842.489.787)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.107.006.837)	(2.929.946.572)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		57.518.132	2.543.392.929
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.040.284.035)	(4.328.994.045)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động kinh doanh	20		7.917.296.805	47.846.722.744
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(271.713.576)	(346.243.966)
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.651.250.950)	(13.317.094.600)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.724.824.296	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.994.000.000)	(939.295.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	384.014.590
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.619.688.331	1.213.676.065
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30		427.548.101	(13.004.942.911)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(60.784.000)	-
Tiền vay nhận được	33		6.945.417.013	11.080.245.868
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.446.698.725)	(30.733.447.940)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.825.044.000)	(6.358.475.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(15.387.109.712)	(26.011.677.072)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

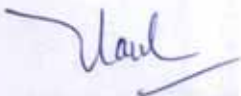
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(7.042.264.806)	8.830.102.761
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	3	10.539.056.591	3.395.197.585
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(400.624)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	3	3.496.791.785	12.224.899.722

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2011



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng/Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH kỹ thuật điện Toàn Cầu) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Sau đó, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thành Công ty Cổ phần. Ngoài ra, Công ty còn nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn cổ phần và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 5, Tòa nhà Waseco, Số 10 Phổ Quang, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 92.364.460.000 VNĐ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 96 nhân viên (31 tháng 12 năm 2010: 170 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành một cách riêng biệt.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc và thiết bị	2 - 5
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị khác	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

2.11. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá gốc. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.12. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

2.13. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 0,35% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.15. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập bằng 2% thu nhập chịu thuế và được hạch toán vào chi phí.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

2.17. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.18. Chi phí vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Thu nhập chịu thuế có thể có sự khác biệt so với lợi nhuận báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thu nhập chịu thuế có thể không bao gồm các khoản thu nhập và chi phí đã nộp thuế hoặc đã khấu trừ trong các năm trước và có thể không bao gồm những khoản thu nhập hoặc chi phí không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm nhà đầu tư, các công ty con, các công ty liên kết và công ty liên doanh của Công ty và các công ty con và các công ty liên kết của các nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.23. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được phản ánh trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được trình bày khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.24. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.25. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tiền mặt	503.000.667	118.175.576
Tiền gửi ngân hàng	2.993.791.118	6.420.881.015
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	4.000.000.000
	3.496.791.785	10.539.056.591

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm số ngoại tệ khác với VND như sau:

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	39.650	2.199
- Euro ("EUR")	222	228

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Inno với lãi suất 18% một năm	4.514.400.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng	1.079.113.200	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu với lãi suất 13% một năm	-	7.000.000.000
Khoản vay cung cấp cho Ông Phạm Khắc Tân và không tính lãi suất	-	1.579.500.000
	5.593.513.200	8.579.500.000

5. Các khoản phải thu khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tiên Phong – nhà đầu tư	10.867.152.800	5.716.000.000
Tạm ứng cho hoạt động của Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Tín Thông – Công ty liên quan	750.000.000	-
Phải thu lãi vay	176.557.041	216.450.000
Phải thu phí tiện ích	37.038.257	237.349.479
Phải thu khác	90.919.738	237.797.746
	11.921.667.836	6.407.597.225

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	1.059.448.208	590.895.517
Dự phòng tăng trong kỳ/năm	233.792.772	468.552.691
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(483.140.457)	-
Số dư cuối kỳ/năm	810.100.523	1.059.448.208

7. Hàng tồn kho

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Nguyên vật liệu	4.005.587.834	4.508.319.384
Sản phẩm dở dang	11.297.138.101	9.104.466.968
Thành phẩm	662.354.300	394.270.523
Hàng hóa	10.235.111.300	7.239.506.403
	26.200.191.535	21.246.563.278
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.290.025.075)	(1.290.025.075)
	24.910.166.460	19.956.538.203

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ	1.290.025.075	447.024.882
Tăng trong kỳ	-	843.000.193
Số dư cuối kỳ	1.290.025.075	1.290.025.075

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Thuê đất cho trạm thu phát sóng	Thiết bị văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	2.051.907.816	181.382.148	38.135.778	2.271.425.742
Tăng trong kỳ	2.446.719.354	53.875.547	-	2.500.594.901
Phân bổ trong kỳ	(2.597.177.452)	(105.256.519)	(3.036.000)	(2.705.469.971)
Số dư cuối kỳ	1.901.449.718	130.001.176	35.099.778	2.066.550.672

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Tạm ứng	2.011.493.413	1.698.606.721
Đặt cọc ngắn hạn	1.324.571.990	597.174.647
	3.336.065.403	2.295.781.368

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	594.050.123	2.639.315.755	1.068.116.130	4.301.482.008
Tăng trong kỳ	-	-	49.263.636	49.263.636
Thanh lý	-	-	(64.394.110)	(64.394.110)
Số dư cuối kỳ	594.050.123	2.639.315.755	1.052.985.656	4.286.351.534
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	(526.034.943)	(1.829.531.927)	(719.993.111)	(3.075.559.981)
Hao mòn trong kỳ	(7.593.102)	(127.974.720)	(104.305.882)	(239.873.704)
Thanh lý	-	-	64.394.110	64.394.110
Số dư cuối kỳ	(533.628.045)	(1.957.506.647)	(759.904.883)	(3.251.039.575)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	68.015.180	809.783.828	348.123.019	1.225.922.027
Số dư cuối kỳ	60.422.078	681.809.108	293.080.773	1.035.311.959

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 2.068 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (31 tháng 12 năm 2010: 2.043 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(7.312.556)
Hao mòn trong kỳ	(18.281.334)
Số dư cuối kỳ	(25.593.890)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	102.375.444
Số dư cuối kỳ	84.094.110

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
Số dư đầu kỳ/năm	1.133.908.265	448.512.551
Tăng trong kỳ/năm	195.512.228	1.180.716.088
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(495.320.374)
Số dư cuối kỳ/năm	1.329.420.493	1.133.908.265

13. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	37.583.618.667
Tăng trong kỳ	27.102.866
Số dư cuối kỳ	37.610.721.533
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(16.349.265.266)
Hao mòn trong kỳ	(3.149.975.685)
Số dư cuối kỳ	(19.499.240.951)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	21.234.353.401
Số dư cuối kỳ	18.111.480.582

14. Đầu tư vào công ty con

	% sở hữu	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	51%	1.635.330.000	1.635.330.000
Công ty TNHH Sản xuất kỹ thuật điện Toàn Cầu	100%	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Inno (*)	99,8%	2.994.000.000	-
		5.629.330.000	2.635.330.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (*) Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41221000327 ngày 17 tháng 12 năm 2010 được cấp bởi Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Khu chế xuất Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã đầu tư 2.994 triệu VNĐ, tương đương 99,8% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Inno.

15. Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết trình bày khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GIT") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã góp 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41% vốn cổ phần của GIT (31 tháng 12 năm 2010: 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41%).

16. Đầu tư dài hạn khác

	% sở hữu	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	10%	200.000.000	200.000.000
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF	20%	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (*)	-	1.098.957.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	-	4.427.098.098	4.613.641.644
		7.557.650.098	6.645.236.644

- (*) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

17. Tài sản dài hạn khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Đặt cọc tiền thuê	2.171.850.000	2.171.850.000
Thế chấp tại ngân hàng để bảo lãnh cho các hợp đồng kinh tế	187.293.747	237.811.879
Đặt cọc khác	214.810.000	221.810.000
	2.573.953.747	2.631.471.879

18. Vay ngắn hạn

	30 June 2011	31 December 2010
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà của Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành. Khoản vay này chịu lãi suất từ 7% đến 16,5% một năm (2010: 13% đến 13,8% một năm).	3.329.338.316	5.966.698.725
Khoản vay từ Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem, công ty con. Khoản vay này không phải đảm bảo và chịu lãi suất 19,8% một năm.	1.136.078.697	-
	4.465.417.013	5.966.698.725

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	789.793.659	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	44.909.659	693.371.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.671.652.111	4.111.824.545
Thuế thu nhập cá nhân	114.968.756	316.324.679
	3.621.324.185	5.121.520.511

20. Chi phí phải trả

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Chi phí lãi vay	9.985.921	37.635.542
Chi phí vận chuyển, lắp đặt, nhân công trạm	2.034.261.535	1.546.153.115
Chi phí phải trả khác	141.843.945	-
	2.186.091.401	1.583.788.657

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Khoản vay phải trả các bên liên quan (*)	1.527.134.766	1.661.681.766
Phí nhượng quyền phải trả công ty mẹ	282.386.629	684.717.549
Tiền thuê đất từ bên liên quan	32.783.333	218.400.000
Phải trả khác	243.005.621	163.772.491
	2.085.310.349	2.728.571.806

(*) Khoản vay các bên liên quan không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

22. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2010	63.757.790.000	623.231.132	(225.341.132)	239.165.485	4.076.216.022	31.984.860.393	100.455.921.900
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	25.431.670.000	-	-	-	-	(25.431.670.000)	-
Tăng vốn góp bằng tiền mặt	3.175.000.000	5.460.127.000	-	-	-	-	8.635.127.000
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	28.920.014.256	28.920.014.256
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.577.170.400)	(15.577.170.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.869.809.344)	(1.869.809.344)
Giảm khác	-	-	-	(1.549.936)	-	-	(1.549.936)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	92.364.460.000	6.083.358.132	(225.341.132)	237.615.549	4.076.216.022	18.026.224.905	120.562.533.476
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	12.278.272.403	12.278.272.403
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.825.044.000)	(13.825.044.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(798.088.000)	(798.088.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(60.784.000)	-	-	-	(60.784.000)
Số dư, ngày 30 tháng 6 năm 2011	92.364.460.000	6.083.358.132	(286.125.132)	237.615.549	4.076.216.022	15.681.365.308	118.156.889.879

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	30 tháng 6 năm 2011		31 tháng 12 năm 2010	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được phê duyệt	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Cổ phiếu đã phát hành	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	(19.750)	(286.125.132)	(17.750)	(225.341.132)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành	9.216.696	92.166.960.000	9.218.696	92.186.960.000

Tất cả cổ phiếu đều có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Doanh thu bán hàng hóa	50.882.290.579	43.336.497.964
Doanh thu bán thành phẩm	12.207.186.539	5.517.637.418
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	14.164.829.452	12.831.117.170
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	3.933.591.006	16.667.789.880
Tổng doanh thu	81.187.897.576	78.353.042.432
Khoản giảm trừ doanh thu – Hàng bán bị trả lại	(8.736.000)	(5.389.405)
Doanh thu thuần	81.179.161.576	78.347.653.027

24. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Giá vốn của hàng hóa	42.901.596.884	34.190.018.590
Giá vốn của thành phẩm	5.532.688.750	1.525.590.136
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	7.544.191.794	6.249.954.016
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật	2.967.359.651	8.928.205.279
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	224.839.916
	58.945.837.079	51.118.607.937

25. Doanh thu tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Lãi ngân hàng	83.539.695	134.306.351
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	554.550.161	347.573.797
Lãi cho vay	209.245.211	174.541.156
Cổ tức và lợi nhuận được chia	816.000.000	816.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	151.929.696	31.794.577
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	24.957.516	168.264.152
	1.840.222.279	1.672.480.033

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

26. Chi phí tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí lãi vay	414.015.457	847.994.772
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	459.352.667	813.179.735
	873.368.124	1.661.174.507

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm và thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cho hai năm từ năm đầu tiên phát sinh lợi nhuận chịu thuế (2008) và được giảm 50% thuế TNDN cho ba năm tiếp theo.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.666.834.403	3.735.170.964
	2.666.834.403	3.735.170.964
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Các khoản chênh lệch tạm thời	149.797.998	-
	2.816.632.401	3.735.170.964

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011		Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.094.904.804	%	17.614.766.562	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	3.773.726.201	25%	4.403.691.641	25%
Ưu đãi thuế	(757.996.948)	(5%)	(464.520.677)	(3%)
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(204.000.000)	(1%)	(204.000.000)	(1%)
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản chênh lệch tạm thời không ghi nhận	4.903.148	-	-	-
	2.816.632.401	19%	3.735.170.964	21%

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	117.918.239	(117.918.239)	-
Trích trước chi phí lắp đặt	19.573.389	(7.566.480)	12.006.909
Chi phí bảo hành phải trả	50.555.739	(2.325.352)	48.230.387
Khác	21.987.927	(21.987.927)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	210.035.294	(149.797.998)	60.237.296

28. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	-	41.113.636
	Vay	-	(3.250.000.000)
	Chi phí lãi vay	-	(58.610.985)
Ban Giám đốc	Chi phí lãi vay	-	(23.650.000)
	Tạm ứng	138.707.000	109.084.000

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	-	36.650.044
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	78.760.267	26.761.798
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị	Phải trả phi thương mại	-	37.635.542
Ban Giám đốc	Phải trả phi thương mại	20.940.100	-

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	918.500.000	866.500.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Công ty Cổ phần công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Bán hàng hóa và thành phẩm	1.443.039.622	1.699.380.483
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(346.820.649)
		Phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(775.066.000)	(1.067.970.815)
		Quỹ phúc lợi phải trả	(364.077.000)	-
Công ty TNHH Liên doanh Global Sitem	Công ty con	Bán hàng hóa và thành phẩm	267.783.887	180.710.045
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(22.036.484.495)	(6.994.353.175)
		Tạm ứng cho hoạt động	967.354.000	726.500.000
		Vay	(3.616.078.697)	(1.500.000.000)
		Cho vay	1.440.000.000	3.600.000.000
		Cổ tức nhận được	816.000.000	816.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII")	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và thành phẩm	3.952.210.492	10.296.226.680
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(62.554.357)	(373.494.239)
		Cho vay	1.400.000.000	13.500.000.000
		Chi hộ chi phí	(366.600.000)	(537.627.368)
Công ty Cổ phần Tín học Siêu Tinh	Bên liên quan	Cho vay	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Cho vay	1.000.000.000	1.500.000.000
		Tạm ứng cho hoạt động	750.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	375.728.813	250.667.880
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(959.447.077)	(1.022.051.699)
		Cho vay	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Bên liên quan	Cho vay	-	910.000.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải thu thương mại	1.059.325.977	-
		Phải thu phi thương mại	10.867.152.800	5.782.706.940
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải thu phi thương mại	11.977.753	152.211.660
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Phải thu phi thương mại	13.313.510	3.234.000
Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu ("GIT")	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	5.561.652.593	10.509.287.886
		Phải thu phi thương mại	29.683.300	219.918.750
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu thương mại	141.960.000	113.681.100
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	436.262.112
		Phải thu phi thương mại	750.000.000	8.771.479
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	515.347.170
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	137.545.824	64.607.400
		Phải thu phi thương mại	-	886.050
Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	-	856.000
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	-	5.863.000
Công ty TNHH Hanel – CSF	Bên liên quan	Phải thu thương mại	888.259.299	4.272.255.116
		Phải thu phi thương mại	46.669.041	-

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

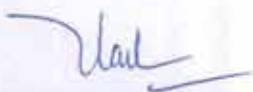
Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 6 năm 2011	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Nhà đầu tư	Phải trả thương mại	-	68.315.626
		Phải trả phi thương mại	959.857.562	1.626.307.427
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải trả thương mại	19.206.652.817	20.899.747.948
		Phải trả phi thương mại	568.277.500	771.688.750
Công ty TNHH Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Công ty con	Phải trả phi thương mại	958.857.266	958.857.266
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu ("GIT")	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	227.008.173	998.163.938
		Phải trả phi thương mại	-	212.335.198
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	34.471.795
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	216.122.334	117.398.854
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	929.775
Công ty Cổ phần Tên Lửa	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	260.789.936

30. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chi phí hàng hóa xuất bán	42.901.596.884	34.190.018.590
Chi phí công nhân viên	5.657.517.639	5.774.730.523
Chi phí vật liệu	4.769.326.812	1.312.007.517
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	143.626.917	505.012.825
Chi phí khấu hao	3.408.130.723	3.342.826.591
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.713.767.285	4.796.901.514
Chi phí khác	3.914.135.845	2.843.424.004

Người lập:



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 12 tháng 8 năm 2011



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc